

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 24 3974 5083
Email: cpahanoi1999@gmail.com * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14/06/2016. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 lần đầu ngày 25/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 15/12/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn.

Người đại diện pháp luật

Họ và tên: Bà Trần Kim Sa, Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào bất thường phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Sa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Quốc	Thành viên
Ông Trần Kim Cương	Thành viên
Bà Tạ Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Sa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Quốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thảo	Trưởng ban
Bà Cai Hà Ái Mỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Sa
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: *gg* /2018/BCKT/BCTC/CPA HA NOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương được lập ngày 10 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

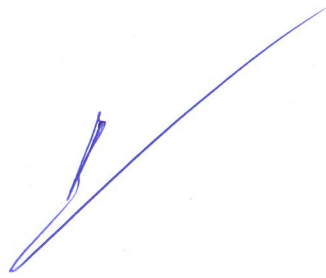
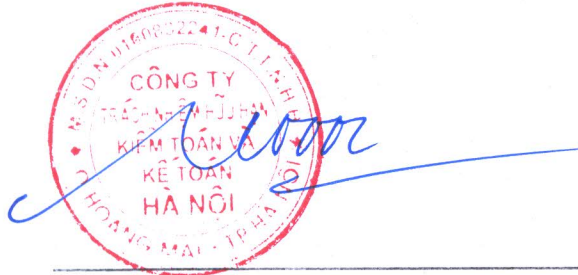
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 7, được sự chấp thuận của Hội đồng cổ đông, theo Quyết định số 002/QĐ/HĐQT ngày 27/03/2017, Công ty đã thành lập Ban điều hành dự án điện năng lượng mặt trời hòa lưới công suất 20MW, theo đó Công ty đã thực hiện tạm ứng 47.000.000.000 đồng cho các thành viên của Ban quản lý dự án để thực hiện các công việc của dự án. Tuy nhiên, ngày 15/03/2018, do một số khó khăn trong việc thực hiện thủ tục dự án, Hội đồng quản trị đã quyết định dừng thực hiện dự án và yêu cầu Ban quản lý dự án thực hiện nộp trả lại tiền về cho Công ty. Tính đến ngày 30/03/2018, Ban quản lý dự án đã nộp trả lại tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội



Lê Văn Đò

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0231-2018-016-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Văn Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1695-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.941.645.072	102.535.752.094
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.337.480.604	2.272.848.482
111	1. Tiền		4.337.480.604	2.272.848.482
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		85.717.581.528	70.671.727.150
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.921.834.376	60.042.225.557
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.346.082.102	8.149.208.052
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	48.449.665.050	3.380.282.691
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(899.989.150)
140	IV. Hàng tồn kho	9	16.495.976.534	29.521.129.635
141	1. Hàng tồn kho		16.495.976.534	29.521.129.635
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.390.606.406	70.046.827
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		3.384.227.308	55.874.141
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	6.379.098	14.172.686
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		180.795.869.660	135.289.137.382
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		112.928.370	40.237.365.630
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	112.928.370	40.237.365.630
220	II. Tài sản cố định		102.605.041.766	89.769.424.313
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	70.353.764.544	54.392.133.315
222	- Nguyên giá		99.622.135.013	75.554.911.713
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(29.268.370.469)	(21.162.778.398)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	32.251.277.222	35.377.290.998
225	- Nguyên giá		40.561.676.293	40.561.676.293
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.310.399.071)	(5.184.385.295)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	57.030.562.671	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		57.030.562.671	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.000.000.000	4.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	4.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.047.336.853	1.282.347.439
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.047.336.853	1.282.347.439
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.737.514.732	237.824.889.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		157.354.790.861	113.869.504.788
310	I. Nợ ngắn hạn		97.665.396.346	84.640.509.073
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.347.341.992	29.639.454.940
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	500.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.432.515.877	2.554.993.721
314	4. Phải trả người lao động		855.096.673	902.433.097
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	211.609.588	416.861.747
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.191.163.691	1.820.891.283
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	75.627.668.525	48.805.874.285
330	II. Nợ dài hạn		59.689.394.515	29.228.995.715
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	59.689.394.515	29.228.995.715
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		133.382.723.871	123.955.384.688
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	133.382.723.871	123.955.384.688
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.382.723.871	3.955.384.688
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.955.384.688	(4.016.411.169)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		9.427.339.183	7.971.795.857
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.737.514.732	237.824.889.476



Nguyễn Thị Kiều Yến Thu
Người lập

Ngô Hoàng Yến
Kế toán trưởng

Trần Kim Sa
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	218.485.284.819	187.283.631.635
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		218.485.284.819	187.283.631.635
11	4. Giá vốn hàng bán	20	192.580.762.971	162.262.449.547
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.904.521.848	25.021.182.088
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.898.622	8.512.053
22	7. Chi phí tài chính	22	8.669.549.626	7.719.209.136
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.669.549.626	7.719.209.136
25	8. Chi phí bán hàng	23	-	18.125.500
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.325.708.743	4.529.419.056
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.912.162.101	12.762.940.449
31	11. Thu nhập khác	25	43.787.159	-
32	12. Chi phí khác	26	141.032.349	2.307.535.283
40	13. Lợi nhuận khác		(97.245.190)	(2.307.535.283)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.814.916.911	10.455.405.166
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.387.577.728	2.483.609.309
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.427.339.183	7.971.795.857
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	786	1.492



Nguyễn Thị Kiều Yến Thu
Người lập

Ngô Hoàng Yến
Kế toán trưởng

Trần Kim Sa
Tổng Giám đốc

TP' Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

(Handwritten signature)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.814.916.911	10.455.405.166
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.275.377.705	12.791.704.858
03	- Các khoản dự phòng		(899.989.150)	497.165.729
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(817.800)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(46.683.780)	16.612.969
06	- Chi phí lãi vay		8.669.549.626	7.719.209.136
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.813.171.312	31.479.280.058
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		22.658.012.453	(85.864.945.759)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.025.153.101	25.320.852.054
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.125.392.062)	(35.836.906.768)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		235.010.586	311.569.234
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.836.768.505)	(7.719.209.136)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.510.055.572)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.259.131.313	(72.309.360.317)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(79.557.290.853)	(75.376.177)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		77.700.000	9.890.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.898.622	7.694.253
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(95.476.692.231)	9.822.318.076
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	67.130.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		194.012.455.101	107.064.500.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(126.095.860.002)	(88.955.953.677)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(10.634.402.059)	(23.786.838.046)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		57.282.193.040	61.451.708.277

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.064.632.122	(1.035.333.964)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.272.848.482	3.307.364.646
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	817.800
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.337.480.604</u>	<u>2.272.848.482</u>



Nguyễn Thị Kiều Yên Thu
Người lập

Ngô Hoàng Yên
Kế toán trưởng

Trần Kim Sa
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

(Handwritten signature)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 14/06/2016. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 lần đầu ngày 25/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 15/12/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng
Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán hàng hóa, mùng cửa và dịch vụ cấp hơi nhiệt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh của Công ty là 12 tháng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.021.604.580	4.060.881
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.315.876.024	2.268.787.601
	<u><u>4.337.480.604</u></u>	<u><u>2.272.848.482</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**Báo cáo tài chính**

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	-	-	4.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Năng Lượng Đại Dương	-	-	4.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	20.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đồng Thành	20.000.000.000	-	-	-
	20.000.000.000	-	4.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đồng Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất nội hơi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Đầu tư Thương mại - XNK Á Long	4.258.104.331	-
Công ty TNHH TM Xây dựng và Cơ Khí Đại Nam	3.748.765.120	5.226.993.520
Công ty TNHH Giấy Đông Tiến Bình Dương	7.640.511.780	-
Công ty TNHH Nhà máy Bia Heniken Việt Nam	2.663.790.099	1.595.329.592
Công ty CP Đầu tư Kiến Vàng	1.470.000.000	10.362.960.300
Công ty TNHH Đầu tư Lương Hiệp	9.670.134.000	-
Công ty TNHH XD TM Thắng Lợi	-	18.920.735.925
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.470.529.046	23.936.206.220
	34.921.834.376	60.042.225.557

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH CL	1.200.000.000	-	-	-
Công ty TNHH ĐT CN Đông Thành	-	-	6.224.005.338	-
Trả trước cho người bán khác	1.146.082.102	-	1.925.202.714	-
	2.346.082.102	-	8.149.208.052	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng (*)	47.000.000.000	-	-	-
Trần Kim Cương	28.325.000.000	-	-	-
Nguyễn Trung Quốc	18.675.000.000	-	-	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	1.449.665.050	-	2.284.731.828	-
Công ty CP Cao su Phước Hòa	-	-	785.700.799	-
Công ty TNHH SX TM Nhật Nam	-	-	309.846.900	-
Phải thu khác	-	-	3.164	-
	48.449.665.050	-	3.380.282.691	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	112.928.370	-	237.365.630	-
Góp vốn liên doanh - Công ty TNHH SX TM XD Vạn Niên	-	-	20.000.000.000	-
Góp vốn liên doanh - Công ty TNHH ĐT Công nghiệp Đông Thành	-	-	20.000.000.000	-
	112.928.370	-	40.237.365.630	-

(*): Theo Quyết định số 002/QĐ/HĐQT ngày 27/03/2017, được sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông, Công ty đã thành lập Ban điều hành dự án điện năng lượng mặt trời hòa lưới công suất 20MW. Theo đó, Công ty đã thực hiện tạm ứng cho ông Trần Kim Cương và Nguyễn Trung Quốc số tiền 47.000.000.000 đồng để thực hiện các công việc của dự án.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.714.652.375	-	13.256.132.127	-
Công cụ, dụng cụ	54.428.182	-	54.428.182	-
Hàng hoá	11.726.895.977	-	16.210.569.326	-
	16.495.976.534	-	29.521.129.635	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Lò Pepsico	39.239.431.853	-
- Lò Long An - Đông Tiến	17.791.130.818	-
	<u>57.030.562.671</u>	<u>-</u>

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.562.933.427	71.315.136.734	676.841.552	75.554.911.713
- Mua trong năm	-	84.000.000	-	84.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thi	-	24.060.910.000	-	24.060.910.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(77.686.700)	-	(77.686.700)
Số dư cuối năm	<u>3.562.933.427</u>	<u>95.382.360.034</u>	<u>676.841.552</u>	<u>99.622.135.013</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.106.108.277	19.744.169.371	312.500.750	21.162.778.398
- Khấu hao trong năm	323.511.516	7.803.909.081	21.943.332	8.149.363.929
- Thanh lý, nhượng bán	-	(43.771.858)	-	(43.771.858)
Số dư cuối năm	<u>1.429.619.793</u>	<u>27.504.306.594</u>	<u>334.444.082</u>	<u>29.268.370.469</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2.456.825.150	51.570.967.363	364.340.802	54.392.133.315
Tại ngày cuối năm	<u>2.133.313.634</u>	<u>67.878.053.440</u>	<u>342.397.470</u>	<u>70.353.764.544</u>
<i>Trong đó:</i>				
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo c				70.353.764.544
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				1.025.035.091

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	40.561.676.293	40.561.676.293
Số dư cuối năm	<u>40.561.676.293</u>	<u>40.561.676.293</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.184.385.295	5.184.385.295
- Trích khấu hao	3.126.013.776	3.126.013.776
Số dư cuối năm	<u>8.310.399.071</u>	<u>8.310.399.071</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	35.377.290.998	35.377.290.998
Tại ngày cuối năm	<u>32.251.277.222</u>	<u>32.251.277.222</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	740.547.018	996.178.209
Bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm rủi ro tài sản	218.552.837	238.619.405
Phí kiểm định, đánh giá giám sát lò, nồi hơi	65.655.180	23.704.602
Giá trị còn lại của các TS không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	-	23.845.223
Chi phí trả trước dài hạn khác	22.581.818	-
	<u>1.047.336.853</u>	<u>1.282.347.439</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP ĐT Công nông nghiệp Miền nam	-	-	27.202.947.390	27.202.947.390
Công ty TNHH Giấy Đông Tiến Bình Dương	2.736.650.400	2.736.650.400	-	-
Công ty TNHH SX TM XNK Việt Sơn	11.998.572.799	11.998.572.799	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.612.118.793	1.612.118.793	2.436.507.550	2.436.507.550
	<u>16.347.341.992</u>	<u>16.347.341.992</u>	<u>29.639.454.940</u>	<u>29.639.454.940</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số	<u>900.668.000</u>	<u>900.668.000</u>	<u>6.224.005.338</u>	<u>6.224.005.338</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.552.976.222	2.387.577.728	2.510.055.572	-	2.430.498.378	-	2.430.498.378	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	14.172.686	-	37.066.115	29.272.527	6.379.098	-	6.379.098	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.017.499	-	-	-	2.017.499	-	-	-	-	-	2.017.499
	14.172.686	2.554.993.721	2.430.143.843	2.544.828.099	6.379.098	2.432.515.877	6.379.098	2.432.515.877				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	211.609.588	378.828.467
- Tiền điện tháng 11+12/2016 là Mai Vĩnh	-	38.033.280
	211.609.588	416.861.747

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	1.338.108.358	766.591.278
- Bảo hiểm y tế	513.264.810	401.646.505
- Bảo hiểm thất nghiệp	209.296.976	176.507.836
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	130.493.547	476.145.664
	2.191.163.691	1.820.891.283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	29.456.000.000	29.456.000.000	130.073.391.201	102.314.000.000	57.215.391.201	57.215.391.201
- Ngân Hàng TMCP Á Châu	2.300.000.000	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-	-
- Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn Việt Nam	24.905.000.000	24.905.000.000	69.451.391.201	69.452.000.000	24.904.391.201	24.904.391.201
- Ngân hàng TMCP Đông Á ⁽²⁾	-	-	50.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ngân Hàng Quân Đội- CN Tân Cảng ⁽³⁾	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngân Hàng Quốc Dân -PGD Cộng Hòa ⁽⁴⁾	2.251.000.000	2.251.000.000	6.622.000.000	5.562.000.000	3.311.000.000	3.311.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.255.960.000	3.255.960.000	10.699.868.614	3.255.960.000	10.699.868.614	10.699.868.614
- Ngân Hàng Quốc Dân -PGD Cộng Hòa ⁽⁵⁾	3.255.960.000	3.255.960.000	3.255.960.000	3.255.960.000	3.255.960.000	3.255.960.000
- Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn Việt Nam	-	-	1.337.824.610	-	1.337.824.610	1.337.824.610
- Ngân hàng TMCP Đông Á ⁽¹⁾	-	-	2.720.000.004	-	2.720.000.004	2.720.000.004
- Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ⁽⁸⁾	-	-	3.386.084.000	-	3.386.084.000	3.386.084.000
Vay cá nhân	10.200.000.000	10.200.000.000	1.000.000.000	11.200.000.000	-	-
- Nguyễn Thy Mai	5.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	6.000.000.000	-	-
- Nguyễn Thanh Quang	5.200.000.000	5.200.000.000	-	5.200.000.000	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	5.893.914.285	5.893.914.285	7.712.408.710	5.893.914.285	7.712.408.710	7.712.408.710
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV	5.893.914.285	5.893.914.285	7.712.408.710	5.893.914.285	7.712.408.710	7.712.408.710
- Ngân hàng Công thương Việt Nam ⁽⁹⁾	48.805.874.285	48.805.874.285	149.485.668.525	122.663.874.285	75.627.668.525	75.627.668.525
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	6.240.710.000	6.240.710.000	55.529.063.900	12.615.768.616	49.154.005.284	49.154.005.284
- Ngân Hàng Quốc Dân -PGD Cộng Hòa ⁽⁶⁾	6.240.710.000	6.240.710.000	-	3.255.960.000	2.984.750.000	2.984.750.000
- Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn Việt Nam	-	-	13.210.243.900	1.337.824.610	11.872.419.290	11.872.419.290
- Ngân hàng TMCP Đông Á ⁽⁷⁾	-	-	13.600.000.000	4.080.000.006	9.519.999.994	9.519.999.994
- Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ⁽⁸⁾	-	-	28.718.820.000	3.941.984.000	24.776.836.000	24.776.836.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	22.988.285.715	22.988.285.715	-	12.452.896.484	10.535.389.231	10.535.389.231
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV	22.988.285.715	22.988.285.715	-	12.452.896.484	10.535.389.231	10.535.389.231
- Ngân hàng Công thương Việt Nam ⁽⁹⁾	29.228.995.715	29.228.995.715	55.529.063.900	25.068.665.100	59.689.394.515	59.689.394.515

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1606-LAV-201700207 ngày 05 tháng 03 năm 2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 24.904.391.201 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản.

- (2) Hợp đồng tín dụng số H.0002/HM17 ngày 16/05/2017 giữa CN Đình Tiên Hoàng Ngân hàng TMCP Đông Á và Công ty với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng, tiền lương và các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký;
 - + Lãi suất cho vay: 6,8%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 25.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản.

- (3) Hợp đồng hạn mức số 905/16/HĐHM/101-79 ngày 30 tháng 11 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng);
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mùn cưa theo Hợp đồng mua bán nhiên liệu số 0505/2016/HĐKT/ĐD-ĐT ngày 05/05/2016;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 8,8% đến 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.311.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản.

- (4) Hợp đồng cho vay số: 25600.17.105.927900.TD ngày 29 tháng 12 năm 2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí nhân công, điện nhiên liệu đốt phục vụ hoạt động cung cấp hơi của khách hàng trong giai đoạn năm 2017 - 2018;
 - + Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: bất động sản nhà riêng, phương tiện vận tải, tiền ký quỹ tại NH TMCP Quân Đội.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Hợp đồng tín dụng trung hạn số H.0001/1217 ngày 23/06/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 13.600.000.000 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm triệu đồng);
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới dây chuyền sản xuất bột cá, sấy và xử lý bã hèm công suất 150 tấn/ ngày;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản;
 - + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là: 12.239.999.998 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 2.720.000.004 đồng.
- (6) Bao gồm 02 Hợp đồng tín dụng số: 1606-LAV-201700 ngày 09/09/2017 và 1600-LAV-2017784 ngày 09/09/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền vay: 13.210.243.900 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 10,5 %/năm
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản;
 - + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là: 13.210.243.900 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 1.337.824.610 đồng.
- (7) Hợp đồng cho vay số 964/16/HĐCV/101-79 ngày 08/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 9.768.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ đắp chi phí MMTB là hệ thống lò hơi, hệ thống cấp nhiệt
 - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng.
 - + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản;
 - + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là: 6.240.710.000 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 3.255.960.000 đồng.
- (8) Bao gồm 04 khoản vay, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 28.718.820.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư trung hạn hệ thống lò hơi tăng sôi 25 tấn/giờ được lắp đặt tại khu công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: từ 11,35% đến 11,6%/năm ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản;
 - + Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là: 28.162.920.000 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 3.386.084.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (9) Bao gồm 03 hợp đồng thuê tài chính:
- Hợp đồng thuê tài chính số 34/2015/CN.MN - CTTC ngày 04/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Bên cho thuê: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
 - + Tài sản thuê: 01 Lò dầu tải nhiệt công nghệ tăng sôi;
 - + Tổng giá trị hợp đồng: 7.955.866.600 đồng; trong đó nợ gốc là 4.500.000.000 đồng, lãi phải trả là 10,5%/năm;
 - + Thời hạn thanh toán: 72 tháng;
 - + Số dư nợ gốc còn phải trả: 3.075.000.000 đồng, trong đó số phải trả trong năm tới là 750.000.000 đồng.

Hợp đồng thuê tài chính số 17/2014/CN.MN-CTTC ngày 17 tháng 12 năm 2014, với các điều khoản chi tiết

- + Bên cho thuê: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
- + Tài sản thuê: Hệ thống 02 lò hơi tầng sôi;
- + Tổng giá trị hợp đồng: 43.221.476.000 đồng, trong đó nợ gốc là 25.000.000.000 đồng, lãi phải trả là 10,5%/năm;
- + Thời hạn thanh toán: 48 tháng;
- + Số dư nợ gốc còn phải trả: 11.532.112.226 đồng; trong đó số phải trả trong năm tới là 5.361.608.711 đồng.

Hợp đồng thuê tài chính số 15/2014/CN.MN-CTTC ngày 05 tháng 12 năm 2014, với các điều khoản chi tiết

- + Bên cho thuê: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
- + Tài sản thuê: 01 lò dầu tải nhiệt công nghệ tầng sôi;
- + Tổng giá trị hợp đồng: 11.990.338.000 đồng; trong đó nợ gốc là 8.000.000.000 đồng, lãi phải trả là 10,5%;
- + Thời hạn thanh toán: 48 tháng;
- + Số dư nợ gốc còn phải trả: 3.640.685.715 đồng; trong đó số phải trả trong năm tới là 1.600.799.999 đồng.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	52.870.000.000	(4.016.411.169)	48.853.588.831
Tăng vốn trong năm trước	67.130.000.000	-	67.130.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	7.971.795.857	7.971.795.857
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	3.955.384.688	123.955.384.688
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	3.955.384.688	123.955.384.688
Lãi/lỗ trong năm nay	-	9.427.339.183	9.427.339.183
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	13.382.723.871	133.382.723.871

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Trần Kim Sa	20,83%	25.000.000.000	20,83%	25.000.000.000
Nguyễn Thanh Quang	16,67%	20.000.000.000	16,67%	20.000.000.000
Trần Ngọc Phụng	13,50%	16.200.000.000	13,50%	16.200.000.000
Các Cổ đông khác	49,00%	58.800.000.000	49,00%	58.800.000.000
	100%	120.000.000.000	100%	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	52.870.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	67.130.000.000
- Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	145.814.947.000	132.911.059.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.670.337.819	54.372.571.895
	218.485.284.819	187.283.631.635

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	144.280.412.999	130.780.147.614
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	48.300.349.972	31.482.301.933
	192.580.762.971	162.262.449.547

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.898.622	7.694.253
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	817.800
	2.898.622	8.512.053

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.669.549.626	7.719.209.136
	8.669.549.626	7.719.209.136

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	-	18.125.500
	-	18.125.500

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.215.766	2.500.000
Chi phí nhân công	4.049.750.824	2.834.867.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	731.494.560	29.531.052
Thuế, phí, lệ phí	150.194.957	155.585.224
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(899.989.150)	497.165.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	884.579.863	814.084.824
Chi phí khác bằng tiền	279.461.923	195.685.125
	5.325.708.743	4.529.419.056

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	43.785.158	-
Thu nhập khác	2.001	-
	43.787.159	-

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	614.744.392
Phạt vi phạm hợp đồng	-	126.039.586
Chi phạt thuế, phạt chậm bảo hiểm	122.971.729	132.432.708
Khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	-	888.644.549
Chi phí khác	18.060.620	545.674.048
	141.032.349	2.307.535.283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.814.916.911	10.455.405.166
Các khoản điều chỉnh tăng	122.971.729	1.963.459.181
- Chi phí không hợp lệ	122.971.729	1.963.459.181
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(817.800)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(817.800)
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.937.888.640	12.418.046.547
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.387.577.728	2.483.609.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.552.976.222	69.366.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.510.055.572)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.430.498.378	2.552.976.222

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.427.339.183	7.971.795.857
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.427.339.183	7.971.795.857
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	5.343.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	786	1.492

29 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.427.339.183	7.971.795.857
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.427.339.183	7.971.795.857
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	5.343.797
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	786	1.492

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.361.968.717	10.255.264.574
Chi phí nhân công	10.634.089.119	8.969.477.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.275.377.705	11.201.608.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.062.764.550	3.480.918.112
Chi phí khác bằng tiền	770.561.774	442.046.908
	54.104.761.865	34.349.316.229

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.337.480.604	-	2.272.848.482	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.484.427.796	-	103.659.873.878	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	-	-
	107.821.908.400	-	105.932.722.360	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	135.317.063.040	78.034.870.000
Phải trả người bán, phải trả khác	18.538.505.683	31.460.346.223
Chi phí phải trả	211.609.588	416.861.747
	154.067.178.311	109.912.077.970

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.337.480.604	-	-	4.337.480.604
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.371.499.426	112.928.370	-	83.484.427.796
	87.708.980.030	112.928.370	-	87.821.908.400
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.272.848.482	-	-	2.272.848.482
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.422.508.248	40.237.365.630	-	103.659.873.878
	65.695.356.730	40.237.365.630	-	105.932.722.360

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	75.627.668.525	59.689.394.515	-	135.317.063.040
Phải trả người bán, phải trả khác	18.538.505.683	-	-	18.538.505.683
Chi phí phải trả	211.609.588	-	-	211.609.588
	94.377.783.796	59.689.394.515	-	154.067.178.311
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	48.805.874.285	29.228.995.715	-	78.034.870.000
Phải trả người bán, phải trả khác	31.460.346.223	-	-	31.460.346.223
Chi phí phải trả	416.861.747	-	-	416.861.747
	80.683.082.255	29.228.995.715	-	109.912.077.970

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; 194.012.455.101 107.064.500.000

d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; 136.730.262.061 88.955.953.677

33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 15/03/2018, do một số khó khăn trong việc thực hiện thủ tục dự án, Hội đồng quản trị đã quyết định dừng thực hiện dự án và yêu cầu Ban quản lý dự án thực hiện nộp trả lại tiền về cho Công ty. Tính đến ngày 30/03/2018, Ban quản lý dự án đã nộp trả lại 47.000.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

162B Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu bán hàng VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	145.814.947.000	72.670.337.819	218.485.284.819
Chi phí bộ phận trực tiếp	144.280.412.999	48.300.349.972	192.580.762.971
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.534.534.001	24.369.987.847	25.904.521.848
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	24.144.910.000
Tài sản không phân bổ	-	-	290.737.514.732
Tổng tài sản	-	-	290.737.514.732
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	157.354.790.861
Tổng nợ phải trả	-	-	157.354.790.861

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng		64.033.380.649	23.652.674.252
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	Khoản đầu tư khác	64.033.380.649	23.652.674.252
Tạm ứng		47.000.000.000	-
Trần Kim Cương	Thành viên góp vốn	28.325.000.000	-
Nguyễn Trung Quốc	Thành viên góp vốn	18.675.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		900.668.000	6.224.005.338
Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Đông Thành	Khoản đầu tư khác	900.668.000	6.224.005.338
Tạm ứng		47.000.000.000	-
Trần Kim Cương	Thành viên góp vốn	28.325.000.000	-
Nguyễn Trung Quốc	Thành viên góp vốn	18.675.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	757.151.761	641.771.154

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 14/06/2016, Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương. Số liệu so sánh đầu kỳ cho các khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán. Số liệu so sánh kỳ trước của Báo cáo kết quả kinh doanh và các thuyết minh liên quan là số liệu cộng gộp giữa 02 giai đoạn: giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 13/06/2016 của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương và giai đoạn từ 14/06/2016 đến 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Đông Dương; cả 02 giai đoạn đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán.



Nguyễn Thị Kiều Yên Thu
Người lập

Ngô Hoàng Yên
Kế toán trưởng

Trần Kim Sa
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2018

